| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ LONG XUYÊN**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 146 /2020/HNGĐ – ST
Ngày: 25/11/2020
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

# NHÂN DANH

## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đức Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tấn Hậu

2. Bà Phan Hoàng Mai

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Lan – Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 573/2020/TLST – HNGĐ ngày 06/10/2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 369/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Y, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 327/28/3, khóm L, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang. (Bà Y có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trần Y: Luật sư Phan H. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: Số 327/28/3, khóm L, phường P, thành phố X, tỉnh An Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 17/9/2020 và tại biên bản hòa giải, nguyên đơn là bà Trần Y trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà Y và ông T tự tìm hiểu yêu thương sau đó tiến tới hôn nhân năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P vào ngày 10/4/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông T không chăm lo kinh tế gia đình, thường xuyên cờ bạc phá tán tài sản, không chăm lo con cái, ông T gây nợ nần và đã bỏ nhà đi từ khoảng tháng 9 năm 2020 đến nay. Bà Y nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Y yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Trần Thiện N, sinh ngày 27/03/2012 và Phạm Hữu N1, sinh ngày 06/02/2015. Bà Y yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng 02 cháu, không yêu cầu ông Tỏa cấp dưỡng.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn ông Phạm Văn T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông T thống nhất với lời trình bày của bà Y về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống cũng như thời điểm xác lập mối quan hệ hôn nhân. Ông T thừa nhận có cờ bạc gây nợ nần như bà Y trình bày, tuy nhiên ông T xác định vợ chồng không có mâu thuẫn cãi vã, từ tháng 09 năm 2020 ông T đã đi làm ở Bình Dương. Đối với yêu cầu ly hôn của bà Y, ông T không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ.

Về quan hệ con chung: Thống nhất với lời trình bày của bà Y vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thiện N, sinh ngày 27/03/2012 và Phạm Hữu N1, sinh ngày 06/2/2015 hiện nay đang sống với bà Y.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có

* Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Bà Y có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lý do bận công việc buôn bán và chăm sóc con cái nên không đủ điều kiện về thời gian để tham dự.

Ông T cũng đồng ý ly hôn với bà Y. Về con chung ông T để bà Y tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, ông T sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.0000đ cho đến khi hai cháu N và N1 đủ 18 tuổi.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của Thư ký:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Đối với nguyên đơn, bị đơn**:** Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn

- Về con chung: Cháu N và cháu N1 hiện nay đang sống với bà Y. Bà Y yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu, đối với cháu N có nguyện vọng được sống với mẹ thể hiện tại biên bản ghi lời khai ngày 03/11/2020. Ông T cũng thống nhất để bà Y tiếp tục nuôi hai con chung và ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Y được tiếp tục nuôi hai con chung, ông T sẽ cấp dưỡng nuôi hai con chung là 3.000.000đ/tháng/02 con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà Y và ông T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

- Về án phí: Bà Y phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và ông T chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Bà Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông T. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:***

[1.1] Tranh chấp giữa bà Trần Y với ông Phạm Văn T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Bà Trần Y có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do bận công việc. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Ý.

[2] ***Về nội dung:***

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Y và ông T tự tìm hiểu yêu thương sau đó tiến tới hôn nhân năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P vào ngày 10/4/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông T không chăm lo kinh tế gia đình, thường xuyên cờ bạc phá tán tài sản gây nợ nần để bà Y phải trả trong suốt thời gian chung sống, không chăm lo con cái, vợ chồng đã không còn chung sống từ khoảng tháng 9 năm 2020 đến nay. Bà Y nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Y yêu

cầu được ly hôn với ông T. Ông T cũng thừa nhận trong thời gian chung sống ông có cờ bạc gây nợ để bà Y trả và bỏ bê gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên bà Y và tạo thêm thời gian để vợ chồng bà Y ông Tỏa có cơ hội để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà Y vẫn cương quyết ly hôn, vì theo bà Y bà đã cho ông T nhiều lần cơ hội để sửa chữa nhưng ông T vẫn thường xuyên cờ bạc không chăm lo kinh tế cho gia đình cũng như không chăm sóc cho các con. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm bà Y dành cho chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng. Tại phiên tòa ông T cũng đồng ý ly hôn với bà Y. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà Y, ông T không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Y được ly hôn với ông T.

[2.2] Về con chung: Bà Y và ông T thống nhất vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Trần Thiện N, sinh ngày 27/3/2012 và Phạm Hữu N1, sinh ngày 06/02/2015. Lời khai của bà Y, ông Tỏa phù hợp với bản sao trích lục khai sinh do Ủy ban nhân phường P cấp. Xét thấy, hai con chung hiện nay được bà Y chăm sóc, nuôi dưỡng và nguyện vọng của cháu N cũng muốn được tiếp tục sống với với mẹ. Do đó, nhằm đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên chấp nhận giao hai con chung cho bà Y chăm sóc nuôi dưỡng căn cứ theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà Y và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Việc nuôi con không cố định.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Y không yêu cầu ông Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông Tỏa yêu cầu được cấp nuôi cháu Trần Thiện N và cháu Phạm Hữu N1 mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi hai cháu N , N1 đủ 18 tuổi. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[2.4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Y và ông T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Trần Y phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm; ông Phạm Văn T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

*Căn cứ vào:*

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 273 và khoản 1 Điều 280; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân**:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Y. Bà Trần Y được ly hôn với ông Phạm Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Trần Thiện N, sinh ngày 27/3/2012 và Phạm Hữu N1, sinh ngày 06/02/2015 cho bà Trần Y tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà Y cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông Phạm Văn T thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phạm Văn T cấp dưỡng nuôi hai cháu Trần Thiện N và cháu Phạm Hữu N1 số tiền cấp dưỡng nuôi hai cháu là 3.000.000đ/tháng (ba triệu đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng được tính từ khi bản án có hiệu lực đến khi cháu Trần Thiện N và cháu Phạm Hữu N1 đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung**,** nợ chung**:** Không xem xét.

*Về án phí*:

- Bà Trần Y phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005560 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà Y đã nộp đủ án phí.

- Ông Phạm Văn T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Trần Như Y được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự ;*
- *VKSND TPLX;*
- *THADS TPLX;*
- *UBND phường Mỹ Phước;*
- *Lưu hồ sơ./.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Đức Anh**